

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2022/DS-PT
Ngày 29 – 9 – 2022
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng
Ông Bùi Anh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 86/2022/TLPT-DS, ngày 06/7/2022 về việc “tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2022/DS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2022 của **Tòa án nhân dân huyện P**, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo; kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 71/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Văn B, sinh năm 1951 (*chết năm 2019*)

Địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Võ Văn B:

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1954; địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị N: Bà Nguyễn Thị Hảo là Luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Thị Hảo, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

2. Chị Võ Thanh Th, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3. Anh Võ Văn B, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

4. Anh Võ Văn Th, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

5. Chị Võ Bích Nh, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện N, tỉnh Cà Mau.

6. Anh Võ Văn Nh, sinh năm 1985; địa chỉ: khóm 2, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

7. Chị Võ Bích H, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của chị Th, anh B, anh Th, chị Nh và anh Nh: Chị Võ Bích H, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn Ngh, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1954

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngh, bà E: Anh Thạch Thế Tr, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đồng bị đơn: Ông Dương Long Hưởng, là luật sư của Công ty TNHH MTV Minh Quốc thuộc đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đặng Văn M, sinh năm 1960; địa chỉ: Ấp 15, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

2. Ông Đặng Văn L (Đặng Ngọc L), sinh năm 1963; địa chỉ: Khóm B, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

3. Ông Đặng Văn Th (Đặng Ngọc Th), sinh năm 1960; địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau

4. Bà Đặng Thị O, sinh năm 1960; địa chỉ HKTT: Ấp H, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Địa chỉ chỗ ở hiện nay: Ấp 15, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

5. Chị Đặng Thị Ph, sinh năm 1972; địa chỉ: Ấp 15, xã V, huyện H tỉnh Bạc Liêu.

6. Bà Đặng Thị Đ (chết)

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ hợp pháp cho bà Đặng Thị Đ: Anh Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp 14, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L, ông Th, bà O, bà Ph và anh N: Ông Đặng Văn M, sinh năm 1963; địa chỉ: Ấp 15, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

7. Ông Nguyễn Công D, sinh năm 1966 (vắng mặt)

8. Bà Kiên Bích Ph, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

9. Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu

Địa chỉ: ấp H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P. (có đơn xin vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Đồng bị đơn ông Huỳnh Văn Ngh, bà Nguyễn Thị E.

- Viện kiểm sát nhân huyện P, tỉnh Bạc Liêu kháng nghị một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2022/DS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Thị N là người thừa kế hợp pháp của nguyên đơn ông Võ Văn B trình bày: Về nguồn gốc đất tranh chấp là của bà Nguyễn Thị D gửi lại cho vợ chồng bà vào năm 1991, gửi bằng miệng, không có làm giấy tờ, lý do gửi là do bà D bệnh nhiều, bà D xuống nhà em rể bà D tên 5 Hội ở ấp T, xã V để ở rồi chết ở đó vào cùng năm 1991, đến năm 1995 thì ông Đặng Văn M là con của bà D đến nhà bà và nói tặng cho vợ chồng bà phần đất này, bà đã đi đăng ký đứng tên trong sổ mục kê vào năm 1995, sau đó đến năm 2003 đi kê khai, đăng ký với nhà nước để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến ngày 28/5/2003 thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Võ Văn B nhưng sau đó Ủy ban nhân dân huyện P đã có Quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này, với lý do là sai hình thể thửa đất. Phần đất hiện tại đang kiện ông Ngh và bà E trả lại 535,42 m² thì hiện nay đã xin đăng ký cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi vào năm 2008, nhưng còn được cấp hay chưa thì bà không rõ do bà chưa nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2005 thì vợ chồng bà có cho ông Huỳnh Văn Ngh mượn phần đất chiều ngang khoảng 7 tấc để làm đường bơm nước, cùng năm này bà chặt cây trên phần đất (hiện nay đang tranh chấp) thì ông Ngh đánh bà nói phần đất này là của ông nên xảy ra tranh chấp đến ngày hôm nay. Nay bà tiếp tục kiện đòi ông Ngh và bà E trả lại phần đất đã lấn chiếm có tổng diện tích 535,42 m².

Người đại diện theo ủy quyền của các đồng thừa kế hợp pháp của nguyên đơn ông Võ Văn B: chị Võ Thị Th, anh Võ Văn B, anh Võ Văn Th, chị Võ Bích Nh và anh Võ Văn Nh, chị Võ Bích H trình bày: Thống nhất với lời trình bày, yêu cầu của mẹ chị bà Nguyễn Thị N.

Đồng bị đơn ông Huỳnh Văn Ngh và bà Nguyễn Thị E trình bày: Về nguồn gốc của phần đất này là của bà Nguyễn Thị D, năm 1994 bà D chuyển nhượng phần đất là 01 cái nền nhà (không xác định diện tích) lại cho vợ chồng ông, bà với giá 85 gia lúa, việc chuyển nhượng có làm giấy chuyển nhượng có bà D ký tên vào. Bà D đã nhận lúa xong và đã giao cho vợ chồng ông, bà phần đất này sử dụng từ năm 1994 đến nay. Sau khi chuyển nhượng đất, có đoàn làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của tỉnh Bạc Liêu xuống địa phương thì ông, bà có đi kê khai, đăng ký và có giao cho người cán bộ tên Q tờ giấy chuyển

nhượng đất của bà D và số tiền 20.000 đồng phí làm giấy, ông Q nhận không có làm biên nhận và đến nay ông, bà vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc bà D chuyển nhượng đất các con bà D đều biết nhưng không có ý kiến phản đối. Nay ông Ngh, bà E không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của các đồng thừa kế của ông Võ Văn B.

Ông Đặng Văn M là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: ông Đặng Văn L (Đặng Ngọc L), ông Đặng Văn Th (Đặng Ngọc Th), bà Đặng Thị O, bà Đặng Thị P và anh Nguyễn Hoàng N trình bày: Ông là con của bà Nguyễn Thị D, bà D chết khoảng năm 1991. Cha ông tên Đặng Văn D, cha ông chết khoảng năm 1972. Ông có 06 người anh, em gồm: bà Đặng Thị Đ đã chết năm 1995, ông, ông Đặng Văn L (Đặng Ngọc L), ông Đặng Văn Th (Đặng Ngọc Th), bà Đặng Thị O, bà Đặng Thị P; đối với bà Đ thì có 01 người con tên Nguyễn Hoàng N. Về nguồn gốc đất này là của mẹ ông tên Nguyễn Thị D có diện tích chiều ngang 20 mét, chiều dài 50 mét tính luôn cả diện tích con lộ hiện tại, đến năm 1991 do già yếu nên mẹ ông mới gửi phần đất này cho ông Võ Văn B và bà Nguyễn Thị N giữ dùm, mẹ ông về ở gần nhà nội ông để sinh sống và chết vào năm 1991. Phần đất này từ năm 1991 đến năm 1995 thì vợ chồng bà N vẫn quản lý, sử dụng, đến năm 1995 ông có đến nhà bà N nói với vợ chồng bà là ông cho vợ chồng bà phần đất này, chỉ nói cho bằng miệng, không có làm giấy tờ gì, không có ra chính quyền địa phương làm thủ tục và ông đi về ấp 15, xã V, huyện H sống cho đến nay. Nay ông và các anh em ông đồng ý cho ông B và bà N phần đất này, ông không có yêu cầu gì cho cá nhân ông trong vụ án này.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Công D và bà Kiên Bích P có ý kiến trình bày trong văn bản: Trong vụ án này ông, bà không có liên quan gì. Ông, bà không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện P ông Lê Văn T có bản tự khai trình bày: Ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện P là đề nghị Tòa án nhân dân huyện P giải quyết vụ án đúng theo quy định pháp luật và thông báo kết quả giải quyết về cho Ủy ban nhân dân huyện Ph.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2022/DS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng thừa kế của ông B đòi ông Huỳnh Văn Ngh, bà Nguyễn Thị E trả phần đất có tổng diện tích 505,65 m².

Buộc ông Huỳnh Văn Ngh, bà Nguyễn Thị E trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật phải có nghĩa vụ giao trả cho bà N và các đồng thừa kế của ông B gồm chị Võ Thanh Th, anh Võ Văn B, anh Võ Văn Th, chị Võ Bích Nh và chị Võ Bích H phần đất có kích thước và định vị như sau:

Phía Đông giáp Lộ (Kênh Hai Tiệm), cạnh 11,88 mét;

Phía Tây giáp đất ông Sương, ông Ngh, cạnh 11,88 mét;

Phía Nam giáp đất ông B rút yêu cầu khởi kiện, cạnh dài 43 mét;

Phía Bắc giáp đất tranh chấp còn lại, cạnh 43 mét.

Tổng diện tích đất tranh chấp là 505,65 m² thuộc một phần thửa đất số 20, tờ bản đồ số 33 do ông Võ Văn B đứng tên trên sổ mục kê, phần đất tọa lạc ấp T, xã V, huyện P.

Giao cho bà N và các đồng thừa kế của ông B được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng các tài sản, cây trồng có trên đất.

Buộc bà N và các đồng thừa kế của ông B gồm chị Võ Thanh Th, anh Võ Văn B, anh Võ Văn Th, chị Võ Bích Nh và chị Võ Bích H có nghĩa vụ giao trả tiền giá trị các công trình, cây trồng có trên đất cho ông Ngh, bà E tổng số tiền 11.671.000 đồng (*mười một triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn đồng*).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Bà N và các đồng thừa kế của ông B có quyền đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

2. Đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của bà N và các đồng thừa kế của ông B đối với phần đất diện tích 316,77 m² + 13,35 m² nằm trong thửa số 261, tờ bản đồ số 14 do ông Huỳnh Văn Ngh đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và diện tích đất 29,77 m² thuộc một phần thửa đất số 20 tờ bản đồ số 33 do ông B đứng tên trên sổ mục kê.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, đồng bị đơn ông Huỳnh Văn Ngh, bà Nguyễn Thị E kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại vụ án, hủy án và bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022, **Viện kiểm sát nhân dân huyện P** ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 122/QĐ-VKS-DS kháng nghị một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2022/DS-ST ngày 15/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn Ngh, bà Nguyễn Thị E giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn và bị đơn đều xác định nguồn gốc tranh chấp là của bà D. Năm 1991 bà D gửi đất lại cho nguyên đơn gìn giữ, đến năm 1995 bà D tặng cho ông B nhưng nói miệng, sau đó các con bà D ký xác nhận cho ông B phần đất này, không xác nhận địa phương là do bà D chưa có giấy tờ.

Bị đơn cho rằng mua đất bà D năm 1994 nhưng không có giấy tờ. Tại Bản án hành chính và bản án sơ thẩm của vụ án này bị đơn đều xác định mua năm 1994. Tại lời khai của bị đơn ông Ngh và bà E xác định năm 1990, 1992, 1994, lời khai trước sau không thông nhất, sau đó khẳng định cuối cùng là mua năm 1994 trong khi bà D chết năm 1991. Việc chuyển nhượng giữa bà D với ông Ngh và bà E, bị đơn xác định thất lạc, không còn nên không có căn cứ xác định có sự việc chuyển nhượng này xảy ra. Kháng nghị của Viện kiểm sát, tuyên thiếu buộc chỗ anh Nhất yêu cầu điều chỉnh lại.

Cấp sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, được cơ quan Nhà nước cấp giấy năm 2003, năm 2007 bị thu hồi, cấp sai hình thể chứ không phải cấp đất không đúng đối tượng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đồng bị đơn trình bày: Nguồn gốc đất của bà D chuyển nhượng cho ông Ngh và bà E năm 1990 các con của bà D không có ngăn cản, ông B xác định bà D gửi đất lại cho ông B gìn giữ nhưng không có giấy tờ. Nguyên đơn cho rằng sau này ông B được các con của bà D cho nhưng **việc tặng cho không hợp pháp**. Ông Ngh và bà E sử dụng từ khi sang nhượng khoảng năm 1990 - 1991, không có ai tranh chấp.

Mặt khác, tại Bản án 17/2013/HC-ST ngày 26/6/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xác định phân đất của ông B tính từ trụ đá giữa ông B với ông Sương đo sang phía đất ông Ngh, giao đủ đất cho ông B chiều ngang 30m thì vẫn cách công thoát nước của ông Ngh 0,2m – 0,3m.

Do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện P và **kháng cáo của đồng bị đơn** có căn cứ, phù hợp nên thống nhất. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa Bản án sơ thẩm **theo hướng** bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử; Thư ký và các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị E và ông Huỳnh Văn Ngh; rút toàn bộ kháng nghị số 122 ngày 27/4/2022 của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 16/2022/DS-ST ngày 15/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của đồng bị đơn nộp trong hạn luật định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Công Dân, bà Kiên Bích Phượng vắng mặt; Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu có đơn xin vắng mặt. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[1.1] Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu rút toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện P. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại Điều 289 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị N và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Võ Văn Buôn, yêu cầu ông Huỳnh Văn Ngh và bà Nguyễn Thị E trả lại phần đất đã lấn chiếm có tổng diện tích 535,42 m².

[3] Căn cứ Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 30/01/2019 và Mảnh trích đo địa chính thửa đất lập ngày 15/03/2019 thể hiện diện tích đất tranh chấp, có vị trí cụ thể như sau:

Phần đất thứ I:

Phần đất ven sông có kích thước và định vị như sau:

Phía Đông giáp Kênh Hai Tiệm, cạnh 11,88 mét;

Phía Tây giáp Lộ Kênh Hai Tiệm, cạnh 11,88 mét;

Phía Nam giáp đất ông B rút yêu cầu khởi kiện, cạnh 1,8 mét;

Phía Bắc giáp đất tranh chấp còn lại, cạnh 1,8 mét.

Tổng diện tích đất 22,1 m² giáp kênh Hai Tiệm thuộc thủy giới không nằm trong diện tích đất 535,42 m².

Phần đất thứ II:

Phần đất phía trên lộ có kích thước và định vị như sau:

Phía Đông giáp Lộ (Kênh Hai Tiệm), cạnh 11,88 mét;

Phía Tây giáp đất ông Sương, ông Ngh, cạnh 11,88 mét;

Phía Nam giáp đất ông B rút yêu cầu khởi kiện, cạnh dài 43 mét;

Phía Bắc giáp đất tranh chấp còn lại, cạnh 43 mét.

Tổng diện tích là 535,42 m². Trong đó, Phần đất diện tích 505,65 m² do ông Ngh sử dụng thuộc một phần thửa đất số 20, tờ bản đồ số 33 và phần đất diện tích 29,77 m² hiện do ông B đang quản lý sử dụng thuộc một phần thửa đất số 20 tờ bản đồ số 33.

Trên đất tranh chấp gồm có: Chuồng heo chiều ngang 2,8 m, chiều dài 7 mét + mái che; chuồng cá sấu ngang 2,8 mét, dài 3,5 mét; 15 cây chuối đang cho

buồng; 55 cây chuối chưa cho buồng; 01 bụi tre, 01 bụi lứt bình; 02 cây ổi đang cho trái, 07 cây dừa giống, 02 cây dừa đang cho trái.

Tại cấp sơ thẩm nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn trả diện tích đất 505,65 m². Tòa cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với diện tích nguyên đơn rút **yêu cầu** là có căn cứ.

[4] Xét kháng cáo của đồng bị đơn ông Huỳnh Văn Ngh và bà Nguyễn Thị E. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Về nguồn gốc đất: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất xác định nguồn gốc đất tranh chấp là của bà Nguyễn Thị Dám. Bà N cho rằng bà D gửi lại đất cho vợ chồng bà trông coi, đến năm 1991 bà D chết thì con của bà D là ông Đặng Văn M đến nhà bà nói tặng cho vợ chồng bà phần đất này. Ông Ngh, bà E cho rằng phần đất được nhận chuyển nhượng từ bà D, tại thời điểm chuyển nhượng có làm giấy nhưng hiện nay giấy đã bị thất lạc.

[4.2] Xét thấy về nguồn gốc đất **được** xác định của bà D là do các đương sự tự trình bày, thực tế từ trước đến nay (cả khi bà D còn sống) bà D đều không có bất kỳ giấy tờ gì, **xác định đất thuộc quyền sử dụng của bà D** hay được cơ quan có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng đất. Mặc khác, theo sự thừa nhận của đương sự bà D không có sử dụng đất, mà người trực tiếp sử dụng đất là gia đình ông Ngh, bà E. Bà N cho rằng năm 1991 bà D nhờ giữ đất nhưng gia đình **ông Ngh** sử dụng, ông B, bà N không có ý kiến. **Sau khi bà D chết các con bà D cũng không có yêu cầu hay tranh chấp với ông Ngh, bà E.**

[5] Xét thấy, phần đất tranh chấp đã được ông Ngh, bà E trực tiếp quản lý, sử dụng từ trước năm 1994 đến nay, gia đình bà D cũng như gia đình ông B không trực tiếp quản lý, sử dụng. Đồng thời, sau khi bà D chết thì các con bà D cũng không có ý kiến gì đối với phần đất này. **Đến năm 2017** ông B khởi kiện yêu cầu ông Ngh, bà N trả đất, vì cho rằng phần đất đã được các con bà D tặng cho. Tuy nhiên, tại thời điểm khởi kiện phía **ông B** hoàn toàn không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh đất được tặng cho. Quá trình **Tòa án** giải quyết đến ngày 21/5/2021 các con bà D mới có văn bản thỏa thuận tặng cho phần đất này cho cá nhân bà N. Xét tờ tặng cho quyền sử dụng đất của các con bà D ngày 21/5/2021 về hình thức và nội dung đều chưa đảm bảo, người được tặng cho không đăng ký kê khai quyền sử dụng đất. Hơn nữa, tại thời điểm tặng cho đất do gia đình bị đơn đang quản lý, sử dụng **nên việc tặng cho đất chưa phát sinh hiệu lực.**

[5.1] **Ngoài ra**, tại Bản án số 17/2013 HC-ST ngày 26/6/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu có **nội dung**: “...*khi đo đạc, cắm mốc theo Quyết định số 2511/QĐ-UBND ngày 19/10/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu thì nếu tính theo trụ đá thể hiện tại giữa ông B với ông Sương đo sang phía ông Ngh để giao đủ cho ông B chiều ngang 30m thì vẫn còn cách cống thoát nước của ông Ngh 0,2 – 0,3m...*”. Như vậy, theo bản án xác định đất giữa các bên được ngăn cách bởi con mương thoát nước, đất gia đình ông B sử dụng còn cách ông thoát nước 0,2 – 0,3m.

[5.2] Mặc dù, lời khai của đồng bị đơn xác định về thời gian chuyển nhượng đất của bà D không thống nhất về mốc thời gian nhưng cả hai bên đều thống nhất xác định là đất tranh chấp từ trước đến nay gia đình ông Ngh, bà E sử dụng; bà D hay vợ chồng ông B, bà N hoàn toàn không sử dụng và việc sử dụng này đã ổn định, lâu dài. Do đó, Tòa sơ thẩm chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả đất là chưa có căn cứ.

[6] Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận kháng cáo của đồng bị đơn, có căn cứ chấp nhận lời trình bày của luật sư bảo vệ cho đồng bị đơn, không chấp nhận lời trình bày của luật sư bảo vệ cho nguyên đơn, kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị giữ y án sơ thẩm chưa phù hợp nên cũng không được chấp nhận; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2022/DS-ST ngày 15/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

[7] Về án phí, chi phí tố tụng: Do khởi kiện của nguyên đơn không chấp nhận nên bà N và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn phải chịu.

[8] Về án phí phúc thẩm: Ông Huỳnh Văn Ngh, bà Nguyễn Thị E không phải chịu.

Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 96, 97, điểm c khoản 1 Điều 217, 227 và 289 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 203 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn Ngh, bà Nguyễn Thị E.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn B đòi ông Huỳnh Văn Ngh, bà Nguyễn Thị E đòi quyền sử dụng đất diện tích 505,65 m² thuộc một phần thửa đất số 20, tờ bản đồ số 33 do ông Võ Văn Buôn đứng tên trên sổ mục kê, phần đất tọa lạc ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Phần đất có kích thước và định vị như sau:

Phía Đông giáp Lộ (Kênh Hai Tiệm), cạnh 11,88 mét;

Phía Tây giáp đất ông S, ông Ngh, cạnh 11,88 mét;

Phía Nam giáp đất ông B rút yêu cầu khởi kiện, cạnh dài 43 mét;

Phía Bắc giáp đất tranh chấp còn lại, cạnh 43 mét.

2. Đình chỉ giải quyết **một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn B** do bà Nguyễn Thị N và các đồng thừa kế của ông B gồm chị Võ Thanh Th, anh Võ Văn B, anh Võ Văn Th, chị Võ Bích Nh, anh Võ Văn Nh và chị Võ Bích H đối với phần đất diện tích $316,77\text{ m}^2 + 13,35\text{ m}^2$ tại thửa số 261, tờ bản đồ số 14 do ông Huỳnh Văn Ngh đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và diện tích đất $29,77\text{ m}^2$ thuộc một phần thửa đất số 20 tờ bản đồ số 33 do ông B đứng tên trên sổ mục kê.

3. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị **của** Viện kiểm sát nhân dân huyện P tại Quyết định kháng nghị số 122/QĐ-VKS-DS ngày 27/4/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị N và các đồng thừa kế của ông B gồm chị Võ Thanh Th, anh Võ Văn B, anh Võ Văn Th, chị Võ Bích Nh, anh Võ Văn Nh và chị Võ Bích H phải chịu số tiền 1.520.000 đồng. Ông B đã nộp 1.520.000 đồng đã chi hết.

5. Về án phí:

5.1 Về án phí sơ thẩm: Miễn cho ông Võ Văn B.

5.2 Về án phí phúc thẩm: Ông Huỳnh Văn Ngh, bà Nguyễn Thị E không phải chịu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện P;
- CCTHADS huyện P;
- Đường sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lê Kiều

Đến năm 2017 thì ông B mới khởi kiện đòi quyền sử dụng đất đối với ông Ngh, bà E; thời điểm này ông B cho rằng bà D cho đất (chỉ bằng lời nói); quá trình tranh chấp tại Tòa án thì đến ngày 21/5/2021 các con bà D làm giấy tặng cho đất bà D, nhưng văn bản tặng cho không có xác nhận của chính quyền địa phương, các dấu vân tay chưa xác định được có phải của họ hay không. Mặc khác, bà D có 06 người con nhưng có 01 người chết tên Đặng Thị Đàm, bà Đàm có con tên Nguyễn Hoàng Nam, anh Nam chưa ý kiến. Do đó, việc các con bà D cho đất bà N là chưa đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra, tại Bản án số 17/2013-HC ngày 26/6/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu giải quyết “ do trước đây các bên có tranh chấp thì xác định giao đủ đất cho ông B, ngang 30m thì đất ông B vẫn cách cống thoát nước của ông Ngh 0,2m đến 0,3m. Như vậy, phần đất ông B sử dụng chưa tới cống thoát nước của nhà ông Ngh nên phần cống thoát nước với phần đất tranh chấp có diện tích 505,65m² ông B không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh là đất thuộc quyền sử dụng của ông.